TỔNG CÔNG TY
CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM-CTCP
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT

Số: 3117/QĐ-CHKQTTSN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục "Hợp tác kinh doanh các dịch vụ: Dịch vụ viễn thông, thu đổi ngoại tệ, du lịch, ăn uống, bách hóa tổng hợp tại nhà ga quốc tế và quốc nội - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất

GIÁM ĐỐC
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT

Căn cứ Phê duyệt số 7118/CHK-QLC ngày 13/12/2023 của Bộ giao thông vận tải - Cục hàng không Việt Nam về việc phê duyệt tài liệu khai thác công trình nhà ga hành khách quốc tế và nhà ga hành khách quốc nội Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-HĐQT ngày 28/10/2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc ban hành Quy chế quản lý và tổ chức hoạt động kinh doanh, khai thác dịch vụ phi hàng không tại Cảng hàng không;

Căn cứ Công văn số 4848/HD-TCTCHKVN ngày 14/12/2022 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế về Quản lý và tổ chức hoạt động kinh doanh, khai thác dịch vụ phi hàng không tại Cảng hàng không;

Căn cứ Quyết định số 304/QĐ-HĐQT ngày 22/6/2023 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế về quản lý và tổ chức hoạt động kinh doanh, khai thác dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không ban hành theo Quyết định số 355/QĐ-HĐQT ngày 28/10/2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 2832/QĐ-CHKQTTSN ngày 05/8/2024 của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về việc thành lập Tổ chuyên gia lựa chọn đơn vị hợp tác kinh doanh tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 2833/QĐ-CHKQTTSN ngày 05/8/2024 của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về việc thành lập Tổ thẩm định lựa chọn đơn vị hợp tác kinh doanh, hợp tác khai thác, thuê mặt bằng, thuê mặt bằng/vị trí quảng cáo tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 728/TCTCHKVN-KDPTTT ngày 28/2/2023 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt phương án giá tối thiểu mặt bằng kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 2577/QĐ-TCTCHKVN ngày 26/6/2023 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt phương án giá tối thiểu mặt bằng kinh doanh dịch vụ phi hàng không thuộc khu vực Nhà ga hành khách quốc nội (T1) tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 1669/QĐ-TCTCHKVN ngày 26/4/2023 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam về việc Phê duyệt phương án giá tối thiểu, bổ sung/chuyển đổi dịch vụ/ngành nghề mặt bằng kinh doanh tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Công văn số 111/KDPTTT ngày 11/7/2024 của Ban kinh doanh phát triển thị trường về việc triển khai thực hiện tờ trình số 97/TTr-KDPTTT ngày 21/6/2024 tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Tờ trình số 1-1/TTr-TCG ngày 15/8/2024 về việc Trình duyệt kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục "Hợp tác kinh doanh các dịch vụ: Dịch vụ viễn thông, thu đổi ngoại tệ, du lịch, ăn uống, bách hóa tổng hợp tại nhà ga quốc tế và quốc nội - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất",

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 2-1/BC-TTĐ ngày 20/8/2024 của Tổ thẩm định về việc Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục "Hợp tác kinh doanh các dịch vụ: Dịch vụ viễn thông, thu đổi ngoại tệ, du lịch, ăn uống, bách hóa tổng hợp tại nhà ga quốc tế và quốc nội - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất".

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục "Hợp tác kinh doanh dịch vụ: Dịch vụ viễn thông, thu đổi ngoại tệ, du lịch, ăn uống, bách hóa tổng hợp tại nhà ga quốc tế và quốc nội - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất" với nội dung sau:

1. Tên hạng mục: Hợp tác kinh doanh dịch vụ: Dịch vụ viễn thông, thu đổi ngoại tệ, du lịch, ăn uống, bách hóa tổng hợp tại nhà ga quốc tế và quốc nội - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.
2. Bên mời hợp tác: Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.
3. Vị trí, diện tích, ngành nghề kinh doanh trên mặt bằng hợp tác kinh doanh:

Stt	Vị trí	Mã vị trí	Diện tích (m^2)	Ngành nghề kinh doanh
A	**NHÀ GA QUỐC NỘI**			
	KHU VỰC LÀM THỦ TỤC SẢNH A			
1	Khu vực làm thủ tục quốc nôi sảnh A	DDG12	**32 m^2** (8,7 m x 3,68 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp
	KHU VỰC CÁCH LY QUỐC NỘI ĐI			
1	Khu vực cách ly quốc nội đi gate 10-12	DD113	**22,5 m^2** (7,9 mx 2,85 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp
2	Khu vực cách ly quốc nội đi gate 10-12	DD111-f	**72 m^2** (11,7 m x 6,16 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp
B	**NHÀ GA QUỐC TẾ**			
	KHU VỰC SẢNH QUỐC TẾ ĐẾN			
1	Khu vực sảnh quốc tế đến cánh phải	IAG31-c	**31 m^2** (5,96 m x 5,2 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp
	KHU VỰC HẠN CHẾ QUỐC TẾ ĐẾN			
1	Khu vực hạn chế quốc tế đến cánh trái	IAGI-1	**5,5 m^2** (2,2 m x 2,5 m)	Dịch vụ bán simcard, thu đổi ngoại tệ
2	Khu vực hạn chế quốc tế đến cánh trái	IAGI-2	**5,5 m^2** (2,2 m x 2,5 m)	Dịch vụ bán simcard, thu đổi ngoại tệ
	KHU VỰC SẢNH QUỐC TẾ ĐI			
1	Khu vực sảnh quốc tế đi tầng 2	ID268	**24,00 m^2** (8 m x 3 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp
	KHU VỰC LÀM THỦ TỤC QUỐC TẾ ĐI			
1	Khu vực làm thủ tục nhà ga quốc tế đi đối diện quầy thủ tục A-B	ID257B	**44 m^2** (15 m x 2 m + 7 m x 2 m)	Bách hóa tổng hợp
2	Khu vực làm thủ tục nhà ga quốc tế đi đối diện quầy thủ tục E-F	ID266	**27,00 m^2** (9 m x 3 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp
3	Khu vực làm thủ tục nhà ga quốc tế đi đối diện quầy thủ tục G-H	ID265	**27,00 m^2** (9 m x 3 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp
4	Khu vực làm thủ tục nhà ga quốc tế đi đối diện quầy thủ tục I-J	ID267	**30,00 m^2** (10 m x 3 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp
	KHU VỰC CÁCH LY QUỐC TẾ ĐI			
1	Khu vực cách ly quốc tế đi tầng trệt - gate 22-25	IDG06-b	**39,60 m^2** (11 m x 3,6 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp
2	Khu vực cách ly quốc tế đi tầng trệt - gate 10-14	IDG03-b	**24,00 m^2** (6,9 m x 3,5 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp
3	Khu vực cách ly quốc tế đi tầng 1 - gate 26-27	ID121-b	**25,5 m^2** (8,5 m x 3 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp

Stt	Vị trí	Mã vị trí	Diện tích (m^2)	Ngành nghề kinh doanh
4	Khu vực cách ly quốc tế đi tầng 1 - gate 26-27	ID121-c	**15 m^2** (5 m x 3 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp
5	Khu vực cách ly quốc tế đi tầng 1 - gate 26-27	ID122	**33,00 m^2** (11 m x 3 m)	Bách hóa tổng hợp
6	Khu vực cách ly quốc tế đi tầng 2 - gate 14	ID209-a	**25,34 m^2** (18 m x 1,4 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp
7	Khu vực cách ly quốc tế đi tầng 2 - gate 22	ID246-a	**12,00 m^2** (8,5 m x 1,4 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp
8	Khu vực cách ly quốc tế đi tầng 2 - gate 18	ID269	**26 m^2** (6,5 m x 4 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp
9	Khu vực cách ly quốc tế đi tầng 3	ID304-a	**30 m^2** (6,6 m x 4,5 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp
	KHU VỰC CÁCH LY QUỐC TẾ ĐẾN			
1	Khu vực cách ly quốc tế đến	IA107	**25 m^2** (6,25 m x 4 m)	Ăn uống, bách hóa tổng hợp, dịch vụ viễn thông, thu đổi ngoại tệ, du lịch
2	Khu vực cách ly quốc tế đến	IA108-a	**2 m^2** (2 m x 1 m)	Dịch vụ viễn thông
3	Khu vực cách ly quốc tế đến	IA108-b	**2 m^2** (2 m x 1 m)	Dịch vụ viễn thông
4	Khu vực cách ly quốc tế đến	IA108-c	**2 m^2** (2 m x 1 m)	Dịch vụ viễn thông
5	Khu vực cách ly quốc tế đến	IA108-d	**2 m^2** (2 m x 1 m)	Dịch vụ viễn thông

➢ Vị trí theo sơ đồ bản vẽ đính kèm

Ghi chú: Diện tích có thể thay đổi theo thực tế khai thác căn cứ trên Biên bản tiếp nhận mặt bằng/Biên bản nghiệm thu lắp đặt và đưa mặt bằng vào khai thác.

4. Phương án hợp tác kinh doanh:

a. Phương án phân chia: phân chia theo doanh thu

$$\mathbf{Li = t * D}$$

Trong đó:

Li : Lợi ích từ việc hợp tác kinh doanh TIA được phân chia hàng tháng.

t : Tỷ lệ phân chia (tỷ lệ %).

D : Doanh thu thực tế phát sinh từ hoạt động hợp tác kinh doanh (chưa bao gồm thuế GTGT).

b. Tỷ lệ phân chia khởi điểm, lợi ích hợp tác tối thiểu:

Stt	Mã vị trí	Diện tích (m^2)	Ngành nghề kinh doanh	Tỉ lệ phân chia khởi điểm (t)	Lợi ích hợp tác tối thiểu TIA được phân chia hàng tháng (Li_{min})	Đơn vị tính
A	**NHÀ GA QUỐC NỘI**					
	KHU VỰC LÀM THỦ TỤC SẢNH					
1	DDG12	**32 m^2** (8,7 m x 3,68 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp	16%	2.350.000	VND/m^2/tháng
	KHU VỰC CÁCH LY QUỐC NỘI ĐI					
1	DD113	**22,5 m^2** (7,9 mx 2,85 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp	18%	4.250.000	VND/m^2/tháng
2	DD111-f	**72 m^2** (11,7 m x 6,16 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp	18%	2.850.000	VND/m^2/tháng
B	**NHÀ GA QUỐC TẾ**					
	KHU VỰC SẢNH QUỐC TẾ ĐẾN					
1	IAG31-c	**31 m^2** (5,96 m x 5,2 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp	15%	3.500.000	VND/m^2/tháng
	KHU VỰC HẠN CHẾ QUỐC TẾ ĐẾN					
1	IAGI-1	**5,5 m^2** (2,2 m x 2,5 m)	Dịch vụ bán simcard, thu đổi ngoại tệ	18%	4.500.000	VND/m^2/tháng
2	IAGI-2	**5,5 m^2** (2,2 m x 2,5 m)	Dịch vụ bán simcard, thu đổi ngoại tệ	18%	4.500.000	VND/m^2/tháng
	KHU VỰC SẢNH QUỐC TẾ ĐI					
1	ID268	**24,00 m^2** (8 m x 3 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp	19%	2.500.000	VND/m^2/tháng
	KHU VỰC LÀM THỦ TỤC QUỐC TẾ ĐI					
1	ID257B	**44 m^2** (15 m x 2 m + 7 m x 2 m)	Bách hóa tổng hợp	18,5%	3.950.000	VND/m^2/tháng
2	ID266	**27,00 m^2** (9 m x 3 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp	18,5%	3.950.000	VND/m^2/tháng
3	ID265	**27,00 m^2** (9 m x 3 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp	18,5%	3.950.000	VND/m^2/tháng
4	ID267	**30,00 m^2** (10 m x 3 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp	18,5%	3.950.000	VND/m^2/tháng
	KHU VỰC CÁCH LY QUỐC TẾ ĐI					
1	IDG06-b	**39,60 m^2** (11 m x 3,6 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp	18,5%	117	USD/m^2/tháng
2	IDG03-b	**24,00 m^2** (6,9 m x 3,5 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp	16,5%	154	USD/m^2/tháng
3	ID121-b	**25,5 m^2** (8,5 m x 3 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp	18%	135	USD/m^2/tháng
4	ID121-c	**15 m^2** (5 m x 3 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp	18%	135	USD/m^2/tháng

Stt	Mã vị trí	Diện tích (m^2)	Ngành nghề kinh doanh	Tỉ lệ phân chia khởi điểm (t)	Lợi ích hợp tác tối thiểu TIA được phân chia hàng tháng (Li_{min})	Đơn vị tính
5	ID122	**33,00 m^2** (11 m x 3 m)	Bách hóa tổng hợp	16%	244	USD/m^2/tháng
6	ID209-a	**25,34 m^2** (18 m x 1,4 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp	15%	736	USD/m^2/tháng
7	ID246-a	**12,00 m^2** (8,5 m x 1,4 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp	15%	268	USD/m^2/tháng
8	ID269	**26 m^2** (6,5 m x 4 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp	15%	9.000.000	VND/m^2/tháng
9	ID304-a	**30 m^2** (6,6 m x 4,5 m)	Ăn uống/bách hóa tổng hợp	18%	100	USD/m^2/tháng
	KHU VỰC CÁCH LY QUỐC TẾ ĐẾN					
1	IA107	**25 m^2** (6,25 m x 4 m)	Ăn uống, bách hóa tổng hợp, dịch vụ viễn thông, thu đổi ngoại tệ, du lịch	18%	220	USD/m^2/tháng
2	IA108-a	**2 m^2** (2 m x 1 m)	Dịch vụ viễn thông	18%	220	USD/m^2/tháng
3	IA108-b	**2 m^2** (2 m x 1 m)	Dịch vụ viễn thông	18%	220	USD/m^2/tháng
4	IA108-c	**2 m^2** (2 m x 1 m)	Dịch vụ viễn thông	18%	220	USD/m^2/tháng
5	IA108-d	**2 m^2** (2 m x 1 m)	Dịch vụ viễn thông	18%	220	USD/m^2/tháng

- Lợi ích hợp tác chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí sử dụng điện, nước, chi phí thi công cấp nguồn điện, điện thoại, internet…. và các chi phí khác (nếu có).

5. Hình thức lựa chọn đối tác: lựa chọn rộng rãi.
6. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn đối tác: tháng 08/2024.
7. Loại hợp đồng: Hợp đồng hợp tác kinh doanh.
8. Thời gian hợp tác kinh doanh:
   - **Nhà ga quốc nội**: Kể từ ngày ký Biên bản Xác nhận nghiệm thu mặt bằng cho đến khi nhà ga T3 đi vào hoạt động khai thác.
   - **Nhà ga quốc tế**: Kể từ ngày ký Biên bản Xác nhận nghiệm thu mặt bằng cho đến khi nhà ga quốc tế Long Thành đi vào hoạt động khai thác.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

Đơn vị thực hiện: Phòng Kinh doanh phối hợp phòng Tài chính – Kế toán, Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất, phòng An toàn - Kiểm soát chất lượng thực hiện.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký

Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định, các Ông/Bà thủ trưởng phòng Kinh doanh, phòng Tài chính-Kế toán, Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất, Phòng An toàn - Kiểm soát chất lượng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ nội dung trên triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng trình tự, thủ tục và quy định hiện hành của Nhà nước, Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam - CTCP./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- P.KD;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 0311638525-003-C.T.C.P
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT
CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Q. TÂN BÌNH - T.P. HỒ CHÍ MINH

Đặng Ngọc Cương